

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 207/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá dịch vụ xe ra, vào
bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính ban hành Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần bến xe Quảng Ngãi tại Công văn số 05/CV-Cty ngày 18/3/2015; ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 963/SGTVT-VT&PC ngày 15/4/2015 và đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1193/STC-QLGCS ngày 18/5/2015 về việc quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như Phụ lục kèm theo Quyết định này; trong đó:

1. Số ghế (giường) xe tính theo số ghế (giường) ghi trong Sổ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện.
2. Quy chuẩn về bến xe thực hiện theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

Điều 2. Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô tại Điều 1 Quyết định này là mức giá tối đa; các đơn vị khai thác bến xe ô tô căn cứ tình hình thực tế để quy định mức giá cụ thể cho phù hợp (nhưng không vượt quá mức tối đa) và thực hiện kê khai, đăng ký giá với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô nêu tại Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện; nếu có vướng mắc, phát sinh; các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính và Sở Giao thông vận tải để tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 11/2004/QĐ-UB ngày 11/01/2004 của UBND tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc các đơn vị khai thác bến xe và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Viết Chử

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục
GIÁ DỊCH VỤ XE RA, VÀO BẾN XE Ô TÔ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 của UBND tỉnh)

STT	Loại bến xe	Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách
I	Bến xe khách loại II	
1	Tuyến liên tỉnh	
	- Tuyến có cự ly dưới 200 km	2.500 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 200 km đến dưới 500 km	3.500 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 500 km đến dưới 800 km	5.000 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 800 km trở lên	5.500 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
2	Tuyến nội tỉnh	1.500 đồng/ghế xe/chuyến
3	Xe bus	500 đồng/ghế xe/chuyến
4	Xe trung chuyển hành khách	6.000 đồng/ghế xe/chuyến
5	Xe vận tải hàng hóa vãng lai ra vào bến	
	- Xe tải dưới 10 tấn	50.000 đồng/lượt xe
	- Xe tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn	100.000 đồng/lượt xe
	- Xe tải chuyên dùng từ 20 tấn trở lên	150.000 đồng/lượt xe
II	Bến xe khách loại III	Tính bằng 90% Bến xe khách loại II
1	Tuyến liên tỉnh	
	- Tuyến có cự ly dưới 200 km	2.250 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 200 km đến dưới 500 km	3.150 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 500 km đến dưới 800 km	4.500 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 800 km trở lên	4.950 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
2	Tuyến nội tỉnh	1.350 đồng/ghế xe/chuyến
3	Xe bus	450 đồng/ghế xe/chuyến
4	Xe trung chuyển hành khách	5.400 đồng/ghế xe/chuyến
5	Xe vận tải hàng hóa vãng lai ra vào bến	
	- Xe tải dưới 10 tấn	45.000 đồng/lượt xe
	- Xe tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn	90.000 đồng/lượt xe

STT	Loại bến xe	Giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách
	- Xe tải chuyên dùng từ 20 tấn trở lên	135.000 đồng/lượt xe
III	Bến xe khách loại IV	Tính bằng 80% Bến xe khách loại II
1	Tuyến liên tỉnh	
	- Tuyến có cự ly dưới 200 km	2.000 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 200 km đến dưới 500 km	2.800 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 500 km đến dưới 800 km	4.000 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
	- Tuyến có cự ly từ 800 km trở lên	4.400 đồng/ghế (giường) xe/chuyến
2	Tuyến nội tỉnh	1.200 đồng/ghế xe/chuyến
3	Xe bus	400 đồng/ghế xe/chuyến
4	Xe trung chuyển hành khách	4.800 đồng/ghế xe/chuyến
5	Xe vận tải hàng hóa vãng lai ra vào bến	
	- Xe tải dưới 10 tấn	40.000 đồng/lượt xe
	- Xe tải từ 10 tấn đến dưới 20 tấn	80.000 đồng/lượt xe
	- Xe tải chuyên dùng từ 20 tấn trở lên	120.000 đồng/lượt xe